

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 10/04/2024
Ông Phạm Hoàng Cầu	Chủ tịch HĐQT	Từ nhiệm từ ngày 10/04/2024
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/07/2024
Bà Bùi Thùy Linh	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Toàn	Thành viên độc lập	
Ông Phạm Tuấn Khanh	Thành viên độc lập	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Bùi Thùy Linh	Tổng Giám đốc
Ông Hà Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Khánh	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Tuyết Lan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Thùy Linh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Số: 447/2025/UHY - BCKT

uhy.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29/03/2025, từ trang 06 đến trang 26 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại Thuyết minh số 25 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính - Số liệu so sánh, Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán và điều chỉnh hồi tố. Nguyên nhân điều chỉnh do Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (Công ty Gang thép - Công ty con) nhận được thông báo nợ từ các Ngân hàng, trong đó có ghi nhận số lãi và phạt lũy kế đến ngày 31/12/2023 với số tiền 58.486.219.516 đồng liên quan đến các khoản nợ của Công ty Gang thép tại các Ngân hàng này.

Việc điều chỉnh nêu trên dẫn đến Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 của Công ty Gang thép, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) giảm đi 58.486.219.516 đồng, chỉ tiêu Chi phí phải trả ngắn hạn (Mã số 315) tăng lên tương ứng. Đồng thời, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty Gang thép giảm đi 5.631.775.450 đồng.

Theo đó, chỉ tiêu Đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 250) trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam giảm đi 44.929.113.832 đồng, đồng thời, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) giảm đi tương ứng.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Trịnh Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1

MẪU SỐ B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.573.966.378	29.253.728.030
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	404.096.205	688.701.405
Tiền	111		404.096.205	688.701.405
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.881.130.000	27.086.640.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.627.450.000	26.936.640.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	21.253.680.000	150.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.288.740.173	1.478.386.625
Thuế GTGT được khấu trừ	152	13	1.288.740.173	1.478.386.625
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		167.167.743.297	158.549.493.676
Tài sản cố định	220		30.484.848.487	33.533.333.335
Tài sản cố định hữu hình	221	10	30.484.848.487	33.533.333.335
- Nguyên giá	222		45.758.090.910	45.758.090.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.273.242.423)	(12.224.757.575)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	8	136.539.737.346	124.633.268.077
Đầu tư vào công ty con	251		188.640.000.000	188.640.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(52.100.262.654)	(64.006.731.923)
Tài sản dài hạn khác	260		143.157.464	382.892.264
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	143.157.464	382.892.264
TỔNG TÀI SẢN	270		200.741.709.675	187.803.221.706
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.217.811.548	3.305.564.048
Nợ ngắn hạn	310		4.217.811.548	3.305.564.048
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	4.148.073.600	3.258.500.600
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	11	69.737.948	47.063.448
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		196.523.898.127	184.497.657.658
Vốn chủ sở hữu	410	14	196.523.898.127	184.497.657.658
Vốn góp của chủ sở hữu	411		247.159.580.000	247.159.580.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(149.090.909)	(149.090.909)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(50.486.590.964)	(62.512.831.433)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(62.512.831.433)	(15.532.247.409)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		12.026.240.469	(46.980.584.024)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		200.741.709.675	187.803.221.706

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ngô Văn Khánh

Ngô Văn Khánh

Bùi Thùy Linh

Mẫu số B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	56.128.696.800	84.082.802.454
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		56.128.696.800	84.082.802.454
Giá vốn hàng bán	11	16	54.733.308.448	82.860.548.016
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.395.388.352	1.222.254.438
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	65.975	171.157
Chi phí tài chính	22	18	(11.906.469.269)	47.100.585.232
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	1.253.008.627	1.119.598.691
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.048.914.969	(46.997.758.328)
Thu nhập khác	31		-	22.674.500
Chi phí khác	32	21	22.674.500	5.500.196
Lợi nhuận khác	40		(22.674.500)	17.174.304
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.026.240.469	(46.980.584.024)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.026.240.469	(46.980.584.024)

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ngô Văn Khánh

Ngô Văn Khánh

Bùi Thùy Linh

MẪU SỐ B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		12.026.240.469	(46.980.584.024)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.048.484.848	3.048.484.848
Các khoản dự phòng	03		(11.906.469.269)	47.100.585.232
Lãi hoạt động đầu tư	05		(65.975)	(171.157)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.168.190.073	3.168.314.899
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(4.604.843.548)	(6.529.362.214)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		912.247.500	3.183.126.296
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		239.734.800	227.083.890
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(32.121.288)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(284.671.175)	17.041.583
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		65.975	171.157
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		65.975	171.157
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(284.605.200)	17.212.740
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	688.701.405	671.488.665
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	404.096.205	688.701.405

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Ngô Văn Khánh

Kế toán trưởng



Ngô Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Thùy Linh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0104782792 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 11 tháng 07 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 là: 247.159.580.000 đồng; tương đương 24.715.958 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã cổ phiếu là FID.

Trụ sở chính của Công ty tại: VP24, Tầng 4, Khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác kim loại và bán buôn.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Các hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: mua bán, cho thuê và điều hành bất động sản với quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc đi thuê; Nhà để ở như nhà chung cư và nhà để ở khác; Nhà không phải để ở bao gồm khu triển lãm, nhà kho, nơi dạy mát và trung tâm thương mại; Đất; Cung cấp nhà, căn hộ có đồ đạc hoặc chưa có đồ đạc hoặc các phòng sử dụng lâu dài, theo tháng hoặc năm; Mua bán cho thuê gồm cả quản lý và điều hành bất động sản là nền đất phân lô; Hoạt động mua bán cho thuê gồm cả quản lý và điều hành những khu nhà ở lưu động;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
Chi tiết: sản xuất gạch bằng lò luyện
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác quặng sắt:
Chi tiết: khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (quặng sắt)
- Khai thác kim loại khác không phải sắt
Chi tiết: khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (Quặng chì, kẽm, đồng, niken, thiếc, titan, nhôm, ăngtimon...)
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng theo năm tài chính dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/04/2023, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (Công ty Gang thép) – Công ty liên kết giảm vốn theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHCD ngày 01/04/2023 từ 480 tỷ đồng xuống còn 200 tỷ đồng, sau khi giảm vốn, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam trở thành công ty mẹ với tỷ lệ quyền biểu quyết và quyền kiểm soát tại Công ty Gang thép là 76,82%.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con của Công ty đang trong quá trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, đầu tư khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và gia hạn giấy phép thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vĩ, xã Thượng Cừ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Vì thế trong năm 2024, Công ty Gang Thép không có doanh thu và bị lỗ lũy kế dẫn đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam phải trích lập dự phòng khoản đầu tư.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2024, có (01) Công ty con, chi tiết như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Đăng ký kinh doanh
1	Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	Xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2600377146 ngày 08/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp và thay đổi lần thứ 11 ngày 07/03/2024.

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết là 76,82%.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 (“Thông tư 53”).

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính cũng như các quy định pháp lý có liên quan trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công ty con

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó hoặc Công ty nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết nhưng có thỏa thuận khác:

- Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư (công ty con), phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh bao gồm tiền sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác được Công ty được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn);

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	15

4.8 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu và được cơ quan quản lý chấp thuận

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản vốn khác.

4.10 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, được UBCK chấp thuận và danh sách cổ đông nhận cổ tức được chốt chính thức

4.11 DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC (TIẾP)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi ngân hàng được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế được quy định trong từng Hợp đồng tiền gửi;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo chốt quyền của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.12 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

4.13 THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 THUẾ (TIẾP)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	365.638.360	679.831.644
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.457.845	8.869.761
	404.096.205	688.701.405

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	10.627.450.000	-	26.936.640.000	-
- Công ty Cổ phần Ngọc Việt Global	-	-	8.822.200.000	-
- Công ty TNHH Phân bón hữu cơ Truyền Thống	-	-	17.828.240.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển MSA	5.698.450.000	-	-	-
- Công ty TNHH Quà tặng nước Nga	4.423.200.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	505.800.000	-	286.200.000	-
	10.627.450.000	-	26.936.640.000	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	21.253.680.000	-	150.000.000	-
- Công ty Cổ phần Logistics NYV	21.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	253.680.000	-	150.000.000	-
	21.253.680.000	-	150.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty con	188.640.000.000	(52.100.262.654)	(*)	188.640.000.000
Công ty Cổ phần Gang thép	188.640.000.000	(52.100.262.654)		(64.006.731.923)
Công nghiệp Việt Nam				(64.006.731.923)
	188.640.000.000	(52.100.262.654)	(*)	188.640.000.000
				(64.006.731.923)
				(*)

Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam đang trong quá trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, đầu tư khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và gia hạn giấy phép thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vi, xã Thượng Cừ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Năm 2024 Công ty không phát sinh doanh thu từ hoạt động khai thác mỏ.

(*) Các khoản đầu tư này chưa xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	125.755.290	341.870.185
- Chi phí khác	17.402.174	41.022.079
	143.157.464	382.892.264

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	45.758.090.910	45.758.090.910
31/12/2024	45.758.090.910	45.758.090.910
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2024	(12.224.757.575)	(12.224.757.575)
- Khấu hao trong năm	(3.048.484.848)	(3.048.484.848)
31/12/2024	(15.273.242.423)	(15.273.242.423)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	33.533.333.335	33.533.333.335
31/12/2024	30.484.848.487	30.484.848.487

Nguyên giá Tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 0 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 0 đồng).

11. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	69.737.948	47.063.448
- Bảo hiểm xã hội	55.226.670	37.551.670
- Bảo hiểm y tế	10.019.566	6.636.066
- Bảo hiểm tai nạn lao động	203.995	1.995
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.287.717	2.873.717
	69.737.948	47.063.448

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	4.148.073.600	4.148.073.600	3.258.500.600	3.258.500.600
- Công ty Cổ phần Nông sản Thiên Hương	-	-	2.229.000.000	2.229.000.000
- Công ty Cổ phần Lương thực và Thực phẩm Hoàng Minh	-	-	1.002.000.000	1.002.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Phước Thịnh	2.875.050.000	2.875.050.000	-	-
- Công ty Cổ phần Kingsun Việt Nam	1.242.023.600	1.242.023.600	-	-
- Các đối tượng khác	31.000.000	31.000.000	27.500.600	27.500.600
	4.148.073.600	4.148.073.600	3.258.500.600	3.258.500.600

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2024		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm		01/01/2024	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng	-	514.000.000		514.000.000			-	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000		3.000.000			-	-
	-	517.000.000		517.000.000			-	-
Thuế GTGT được khấu trừ								
	31/12/2024	Số được khấu trừ trong năm		Số đã khấu trừ trong năm			01/01/2024	
	VND	VND		VND			VND	
	1.288.740.173	324.353.548		514.000.000			1.478.386.625	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 BIẾN ĐỘNG TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	247.159.580.000	(149.090.909)	(15.532.247.409)	231.478.241.682
- Lỗ trong năm	-	-	(46.980.584.024)	(46.980.584.024)
31/12/2023	247.159.580.000	(149.090.909)	(62.512.831.433)	184.497.657.658
01/01/2024	247.159.580.000	(149.090.909)	(62.512.831.433)	184.497.657.658
- Lãi trong năm	-	-	12.026.240.469	12.026.240.469
31/12/2024	247.159.580.000	(149.090.909)	(50.486.590.964)	196.523.898.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

14.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	247.159.580.000	247.159.580.000
	247.159.580.000	247.159.580.000

14.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	247.159.580.000	247.159.580.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	247.159.580.000	247.159.580.000
- Cổ tức và lợi nhuận đã trả	-	-

14.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.715.958	24.715.958
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.715.958	24.715.958
+ Cổ phiếu phổ thông	24.715.958	24.715.958
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.715.958	24.715.958
+ Cổ phiếu phổ thông	24.715.958	24.715.958
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa	52.948.696.800	80.902.802.454
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.180.000.000	3.180.000.000
	56.128.696.800	84.082.802.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	51.684.823.600	79.812.063.168
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.048.484.848	3.048.484.848
	54.733.308.448	82.860.548.016

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	65.975	171.157
	65.975	171.157

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hoàn nhập/Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con	(11.906.469.269)	47.100.585.232
	(11.906.469.269)	47.100.585.232

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	154.800.000	154.800.000
- Chi phí vật liệu quản lý	239.734.800	236.572.072
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	831.955.577	690.616.834
- Chi phí bằng tiền khác	23.518.250	34.609.785
	1.253.008.627	1.119.598.691

20. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	239.734.800	236.572.072
- Chi phí nhân công	154.800.000	154.800.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.048.484.848	3.048.484.848
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.516.779.177	80.502.680.002
- Chi phí bằng tiền khác	23.518.250	34.609.785
	55.986.317.075	83.980.146.707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Điều chỉnh số dư các khoản trích theo lương	22.674.500	-
- Chi phí khác	-	5.500.196
	22.674.500	5.500.196

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.026.240.469	(46.980.584.024)
Các khoản điều chỉnh tăng	22.674.500	5.500.196
- Các khoản chi phí không được trừ	22.674.500	5.500.196
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lỗ năm trước chuyển sang	(12.048.914.969)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	-	(46.975.083.828)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng này.

24. BÊN LIÊN QUAN

24.1 Danh sách các bên liên quan

STT	Tên Công ty, Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	Công ty con
2	Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Ảnh hưởng đáng kể

24.2 Giao dịch với bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	94.800.000	94.800.000
	94.800.000	94.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán và điều chỉnh hồi tố. Nguyên nhân điều chỉnh do Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (Công ty Gang thép - Công ty con) nhận được thông báo nợ từ các Ngân hàng, trong đó có ghi nhận số lãi và phạt lũy kế đến ngày 31/12/2023 với số tiền 58.486.219.516 đồng liên quan đến các khoản nợ của Công ty Gang thép tại các Ngân hàng này.

Việc điều chỉnh nêu trên dẫn đến Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 của Công ty Gang thép, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) giảm đi 58.486.219.516 đồng, chỉ tiêu Chi phí phải trả ngắn hạn (Mã số 315) tăng lên tương ứng. Đồng thời, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty Gang thép giảm đi 5.631.775.450 đồng.

Theo đó, chỉ tiêu Đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 250) trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam giảm đi 44.929.113.832 đồng, đồng thời chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) giảm đi tương ứng.

Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2023	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	203.478.607.508	158.549.493.676	(44.929.113.832)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	169.562.381.909	124.633.268.077	(44.929.113.832)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(19.077.618.091)	(64.006.731.923)	(44.929.113.832)
TỔNG TÀI SẢN	270	232.732.335.538	187.803.221.706	(44.929.113.832)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	229.426.771.490	184.497.657.658	(44.929.113.832)
Vốn chủ sở hữu	410	229.426.771.490	184.497.657.658	(44.929.113.832)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(17.583.717.601)	(62.512.831.433)	(44.929.113.832)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	1.373.899.282	(15.532.247.409)	(16.906.146.691)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	(18.957.616.883)	(46.980.584.024)	(28.022.967.141)
TỔNG NGUỒN VỐN	440	232.732.335.538	187.803.221.706	(44.929.113.832)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Chi phí tài chính	22	19.077.618.091	47.100.585.232	28.022.967.141
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(18.974.791.187)	(46.997.758.328)	(28.022.967.141)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(18.957.616.883)	(46.980.584.024)	(28.022.967.141)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(18.957.616.883)	(46.980.584.024)	(28.022.967.141)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận trước thuế	01	(18.957.616.883)	(46.980.584.024)	(28.022.967.141)
Các khoản dự phòng	03	19.077.618.091	47.100.585.232	28.022.967.141

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Ngô Văn Khánh

Kế toán trưởng



Ngô Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Thùy Linh

ẤN UHY

ẤN UHY